



MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	3 – 7
Báo cáo kiểm toán	8 – 9
Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán	10 – 36
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	10 – 13
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	14
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	15 – 16
Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	17 – 36

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn Hanaka (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính bắt đầu từ ngày 01 tháng 4 năm 2011 và kết thúc tại ngày 31 tháng 3 năm 2012 của Công ty đã được kiểm toán bởi các kiểm toán viên độc lập.

1. KHÁI QUÁT VỀ TẬP ĐOÀN

Công ty mẹ - Công ty Cổ phần Tập đoàn Hanaka được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2103000218 ngày 14 tháng 02 năm 2007 và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi từ lần thứ 01 đến lần thứ 09 (số 2300296337) do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Ninh cấp.

Công ty con - Công ty Cổ phần Hatachi Hà Nội được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2300369761 cấp ngày 12 tháng 01 năm 2009 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Ninh cấp.

Công ty con - Công ty Cổ phần Rexam - Hanacans được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế số 2300372796 ngày 11 tháng 02 năm 2009, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế thay đổi lần thứ 01 ngày 01 tháng 6 năm 2009 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Ninh cấp.

Công ty con - Công ty Cổ phần Re Xam A.B.M trước đây là Công ty Cổ phần Ánh Bình Minh được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4703000398 ngày 29/6/2007, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 01 và thứ 02 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp. Công ty Cổ phần Ánh Bình Minh đã đổi tên thành Công ty Cổ phần Re Xam A.B.M theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 03 số 3600795346 ngày 07 tháng 9 năm 2009 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp.

Công ty con - Công ty Cổ phần Cấp điện Hanaka - Korea, trước đây là Công ty Cổ phần Hanaka-Iljin được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đầu tư đăng ký lần đầu số 21-1-0-3-1-000112 ngày 12 tháng 8 năm 2009 và Giấy chứng nhận đầu tư thay đổi lần thứ nhất đổi tên thành Công ty Cổ phần Cấp điện Hanaka - Korea ngày 15 tháng 12 năm 2009 do UBND tỉnh Bắc Ninh cấp.

Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty mẹ và các Công ty con như sau:

Công ty mẹ - Công ty Cổ phần Tập đoàn Hanaka:

- Sản xuất các loại máy biến áp phân phối dầu, máy biến áp phân phối khô có điện áp đến 35KV, công suất từ 10KVA đến 30.000KVA;
- Sản xuất các loại máy biến áp truyền tải có điện áp từ 110KV đến 220KV, công suất từ 25MVA đến 450MVA;
- Sản xuất bán thành phẩm máy biến áp: Xê băng, cắt chéo lõi tôn silic, vỏ tải nhiệt máy biến áp phân phối dạng cánh sóng và vỏ máy biến áp truyền tải đến 220KV;
- Sản xuất tủ điện, bảng điện trung, hạ thế có điện áp tới 35KV;
- Sản xuất các loại trạm biến áp trọn bộ kiểu kiot có điện áp tới 35KV;
- Sản xuất các loại dây đồng tròn trần và tráng sơn cách điện kỹ thuật điện đường kính từ 0,1 đến 8 và 12,5 (mm);
- Sản xuất các loại dây nhôm kỹ thuật điện đường kính từ 1 đến 9,5 mm;
- Dây và cáp nhôm trần, đồng trần, dây nhôm trần lõi thép có tiết diện đến 1200mm², điện áp đến 500KV;

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HANAKA

Khu Công nghiệp Hanaka, thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh

Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc (tiếp theo)

- Sản xuất cáp điện ngầm trung, hạ thế lõi đồng/nhôm điện áp đến 35KV, cáp ngầm siêu cao áp đến 220KV bọc PVC/XLPE (gồm cả vận xoắn, bọc thép, chống thấm);
- Sản xuất dây điện dân dụng, cáp điều khiển, cáp thông tin;
- Sản xuất các loại cáp điện chống cháy nổ, chống nhiễm mặn, chống thấm, các thiết bị điện phục vụ cho ngành đóng tàu và khai thác khoáng sản;
- Sản xuất dây đồng dệt dạng trần và tráng sơn cách điện, bọc giấy, đồng thanh cái, đồng ống, đầu cốt (các sản phẩm bằng đồng);
- Dúc các linh kiện đồng, nhôm dùng cho nhà máy biến áp, dây cáp điện, công tắc cầu dao, cầu chì, máy ngắt, tủ bảng điện;
- Sản xuất các cầu dao, máy cắt, cầu chì;
- Sản xuất các phụ tùng, phụ kiện đường dây và trạm biến áp có điện áp tới 500KV;
- Sản xuất xi măng;
- Khai thác và chế biến khoáng sản;
- Sản xuất các loại kim loại;
- Đầu tư thủy điện, nhiệt điện, kinh doanh mua bán điện;
- Kinh doanh xuất nhập khẩu vật tư, nguyên liệu, máy móc thiết bị, dụng cụ, phụ tùng, phụ kiện phục vụ cho sản xuất thiết bị điện và các ngành công nghiệp, điện lực, nông nghiệp, giao thông vận tải và xây dựng;
- Xây lắp các đường dây và trạm biến áp có điện áp tới 330KV;
- Xây dựng các công trình dân dụng, giao thông, công nghiệp, nông nghiệp, san lấp mặt bằng;
- Sửa chữa, bảo hành các loại máy biến áp phân phối dầu, máy biến áp phân phối khô có điện áp tới 35KV, công suất từ 10KVA đến 30.000KVA;
- Sửa chữa, bảo hành các loại máy biến áp truyền tải có điện áp từ 110KV đến 220KV, công suất từ 25MVA đến 450MVA;
- Sửa chữa, bảo hành máy móc thiết bị, linh kiện trong các lĩnh vực điện, công nghiệp, giao thông vận tải và xây dựng;
- Kinh doanh, đầu tư phát triển hạ tầng khu công nghiệp;
- Sản xuất kinh doanh bao bì, đồ hộp cho ngành ăn uống, bia rượu;
- Kinh doanh môi giới, đấu giá bất động sản;
- Kinh doanh siêu thị, làm đại lý bán vé máy bay, vé tàu, xe, đại lý mua, bán, ký gửi hàng hóa;
- Kinh doanh các dịch vụ chăm sóc sức khỏe, sắc đẹp, tắm quất, xông hơi, xoa bóp, bấm huyệt, vật lý trị liệu;
- Cho thuê bãi đỗ xe, nhà xưởng sản xuất, kho tàng phương tiện vận tải và máy móc thiết bị;
- Tháo dỡ công trình dân dụng, công nghiệp;
- Kinh doanh khách sạn, nhà hàng;
- Cho thuê nhà phục vụ các mục đích kinh doanh (kiốt, trung tâm thương mại), cho thuê văn phòng;
- Kinh doanh khu vui chơi, giải trí;
- Sản xuất kinh doanh các sản phẩm từ cao su, bột cao su, nhựa đường;
- Mua bán, bảo dưỡng, sửa chữa ô tô, xe máy và các bộ phận phụ trợ.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HANAKA
Khu Công nghiệp Hanaka, thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc (tiếp theo)

Công ty con - Công ty Cổ phần Hatachi Hà Nội:

- Sản xuất các loại dây đồng tròn trần và tráng sơn cách điện kỹ thuật điện đường kính từ 0,1 đến 8 và 12,5 mm;
- Sản xuất các loại dây nhôm kỹ thuật điện đường kính từ 1 đến 9,5 mm;
- Sản xuất dây và cáp nhôm trần, đồng trần, dây nhôm trần lõi thép có tiết diện đến 1200mm², điện áp đến 500KV;
- Sản xuất dây điện dân dụng, cáp điều khiển, cáp thông tin;
- Sản xuất các loại cáp điện chống cháy nổ, chống nhiễm mặn, chống thấm, các thiết bị điện phục vụ cho ngành đóng tàu và khai thác khoáng sản;
- Sản xuất dây đồng dẹt dạng trần và tráng sơn cách điện, bọc giấy, đồng thanh cái, đồng ống, đầu cốt;
- Đúc các linh kiện đồng, nhôm dùng cho nhà máy biến áp, dây cáp điện, công tắc cầu dao, cầu chì, máy ngắt, tủ bảng điện;
- Kinh doanh vật tư, nguyên vật liệu, máy móc thiết bị, dụng cụ, phụ tùng, phụ kiện phục vụ cho sản xuất thiết bị điện và các ngành: Công nghiệp, điện lực, nông nghiệp, giao thông vận tải và xây dựng như: vật tư, nguyên vật liệu: kim loại đen, kim loại màu như thép silic, thép tấm, thép hình, thép cây, đồng, nhôm, thiếc, kẽm... Thiết bị phục vụ sản xuất máy biến áp và dây cáp điện;
- Kinh doanh vật tư, nguyên liệu phục vụ ngành sản xuất bao bì kim loại, lon nhôm;
- Sản xuất các cầu dao, máy cắt, cầu chì;
- Sản xuất các phụ tùng, phụ kiện đường dây và trạm biến áp có điện áp tới 500KV;
- Sản xuất các sản phẩm kim loại;
- Kinh doanh bao bì đồ hộp kim loại phục vụ ngành ăn uống giải khát;
- Xây lắp các đường dây và trạm biến áp có điện áp tới 220KV;
- Xây dựng các công trình dân dụng, giao thông, công nghiệp, nông nghiệp, san lấp mặt bằng;
- Sửa chữa, bảo hành máy móc thiết bị, linh kiện trong các lĩnh vực điện, công nghiệp, nông nghiệp, giao thông vận tải và xây dựng.

Công ty con - Công ty Cổ phần Rexam – Hanacans:

- Sản xuất và kinh doanh lon nhôm và nắp nhôm, bao bì kim loại;
- Xuất nhập khẩu và kinh doanh vật tư, nguyên vật liệu, máy móc, thiết bị, dụng cụ, phụ tùng, phụ kiện phục vụ cho sản xuất thiết bị điện và các ngành: Công nghiệp, điện lực, nông nghiệp, giao thông vận tải và xây dựng;
- Xuất nhập khẩu và kinh doanh vật tư, nguyên vật liệu: Kim loại đen, kim loại màu như thép silic, thép tấm, thép hình, thép cây, đồng, nhôm, thiếc, kẽm;
- Cho thuê phương tiện vận tải và máy móc thiết bị.

Công ty con - Công ty Cổ phần Re Xam A.B.M:

- Sản xuất bao bì, đồ hộp kim loại ngành ăn uống, bia rượu;
- Mua bán, xuất nhập khẩu kim loại đen, kim loại màu;
- Sản xuất các loại nắp chai, nắp lon bằng kim loại dùng trong ngành ăn uống, rượu, bia;
- In trên các loại bao bì, vỏ lon, nắp chai, nắp lon bằng kim loại;

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HANAKA
Khu Công nghiệp Hanaka, thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc (tiếp theo)

- Cho thuê nhà xưởng sản xuất, kho tàng, phương tiện vận tải, máy móc thiết bị;
- Mua bán đồ gỗ gia dụng, hàng trang trí nội thất;
- Sản xuất máy biến áp truyền tải, thiết bị phụ trợ máy biến áp (không chế biến gỗ và sản xuất máy tại trụ sở).

Công ty con - Công ty Cổ phần Cáp điện Hanaka - Korea:

- Sản xuất, kinh doanh dây và cáp điện trung, hạ và cao thế.

Trụ sở chính của Công ty mẹ đặt tại Khu Công nghiệp Hanaka, thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh.

2. TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Tình hình tài chính hợp nhất tại ngày 31 tháng 3 năm 2012 và kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm tài chính bắt đầu từ ngày 01 tháng 4 năm 2011 và kết thúc tại ngày 31 tháng 3 năm 2012 của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm báo cáo này (trang 10 đến trang 36).

3. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên của Hội đồng quản trị trong năm và đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Ông Mẫn Ngọc Anh	Chủ tịch
Ông Mẫn Hồng Cần	Ủy viên
Bà Nguyễn Thị Quế	Ủy viên
Ông Dương Lạc	Ủy viên
Ông Tạ Xuân Kiên	Ủy viên
Ông Trần Vĩnh Hưng	Ủy viên

4. BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ PHỤ TRÁCH KẾ TOÁN

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc và Phụ trách kế toán tại thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Ông Mẫn Ngọc Anh	Tổng Giám đốc
Ông Mẫn Hồng Cần	Phó Tổng Giám đốc
Ông Tạ Xuân Kiên	Phó Tổng Giám đốc
Ông Dương Lạc	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trần Lục Xít	Giám đốc Tài chính
Bà Trần Thị Thanh Huyền	Phó Phòng Kế toán

5. SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện phát sinh sau ngày 31 tháng 3 năm 2012 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất.

6. KIỂM TOÁN VIÊN

Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt (AASCN) đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính bắt đầu từ ngày 01 tháng 4 năm 2011 và kết thúc tại ngày 31 tháng 3 năm 2012 của Công ty.

7. CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính hợp nhất tại ngày 31 tháng 3 năm 2012, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty trong năm tài chính bắt đầu từ ngày 01 tháng 4 năm 2011 và kết thúc tại ngày 31 tháng 3 năm 2012. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Công bố các chuẩn mực kế toán phải tuân theo trong các vấn đề trọng yếu được công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước, đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 31 tháng 3 năm 2012, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính bắt đầu từ ngày 01 tháng 4 năm 2011 và kết thúc tại ngày 31 tháng 3 năm 2012, phù hợp với các chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Bắc Ninh, ngày 30 tháng 7 năm 2013

TM. Ban Tổng Giám đốc
Tổng Giám đốc



Mẫn Ngọc Anh



Số: 231/2013/BCKT-AASCN

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

về Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính bắt đầu từ ngày 01 tháng 4 năm 2011
và kết thúc tại ngày 31 tháng 3 năm 2012 của Công ty Cổ phần Tập đoàn Hanaka

Kính gửi: **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HANAKA**

Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Tập đoàn Hanaka được lập ngày 16 tháng 7 năm 2013 bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 3 năm 2012, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính bắt đầu từ ngày 01 tháng 4 năm 2011 và kết thúc tại ngày 31 tháng 3 năm 2012 được trình bày từ trang 10 đến trang 36 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán phải được lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng Báo cáo tài chính hợp nhất không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong Báo cáo tài chính hợp nhất; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Tổng Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát Báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến kiểm toán.

Những vấn đề ảnh hưởng đến ý kiến của Kiểm toán viên

- Khoản lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư khoản vay dài hạn tại Công ty cổ phần Cấp điện Hanaka - Korea với số tiền là **8.096.250.000** đồng đang được trình bày trên khoản mục "Chi phí trả trước dài hạn" mà không trình bày trên khoản mục "Chênh lệch tỷ giá hối đoái", đồng thời, Công ty chưa thực hiện phân bổ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư khoản vay dài hạn nêu trên vào Chi phí tài chính theo hướng dẫn tại Thông tư 201/2009/TT-BTC ngày 15 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài chính với số tiền là **1.233.213.563** đồng.
- Khoản lỗ chênh lệch tỷ giá đánh giá lại khoản "Vay dài hạn" của năm trước tại Công ty Cổ phần Hatachi Hà Nội đang phản ánh trên khoản mục "Chi phí trả trước dài hạn" mà không đưa vào xác định kết quả kinh doanh của năm trước, số tiền là **11.829.688.524** đồng.
- Trong năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 3 năm 2012, Công ty Cổ phần Hatachi Hà Nội đang trích thiếu chi phí khấu hao tài sản cố định vào chi phí với số tiền là **8.809.660.679** đồng.
- Tại thời điểm 31 tháng 3 năm 2012 trong số dư khoản mục "Đầu tư dài hạn khác" có khoản mua cổ phiếu Công ty Cổ phần Thiết bị điện của Công ty Cổ phần Hatachi Hà Nội với số tiền **900.000.000** đồng. Tuy nhiên, đến thời điểm phát hành báo cáo kiểm toán, chúng tôi chưa được cung cấp các hồ sơ chứng minh Công ty là cổ đông tại Công ty Cổ phần Thiết bị điện với số lượng cổ phiếu tương ứng cho số tiền đầu tư trên.

Headquarters

29 Hoang Sa Str., Dist. 1, Hochiminh City
Tel: (84-08) 3910 4881 * Fax: (84-08) 3910 4880
Email: infohcm@aascn.com.vn * Web: www.aascn.com.vn

Branch in Hanoi

No15, Alley 640, Lang Road, Dong Da Dist., Hanoi
Tel: (84-04) 3793 1428 * Fax: (84-04) 3793 1429
Email: admin@namviethn.vn

Báo cáo kiểm toán (tiếp theo)

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, ngoại trừ những vấn đề nêu trên và ảnh hưởng của chúng, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Tập đoàn Hanaka tại ngày 31 tháng 3 năm 2012, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ hợp nhất trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Hà Nội, ngày 30 tháng 7 năm 2013

**Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn
Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt**

Phó Giám đốc



Bùi Ngọc Hà

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0662-2013-152-1

Kiểm toán viên

Bùi Thị Ngọc Lân

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0300-2013-152-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
Tại ngày 31 tháng 3 năm 2012

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/3/2012	01/4/2011
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		2.262.935.959.408	2.144.871.620.408
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		29.863.190.943	12.980.774.293
1. Tiền	111	V.1	29.863.190.943	12.980.774.293
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Đầu tư ngắn hạn	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (*)	129		-	-
III. Các khoản phải thu	130		1.513.629.130.550	1.491.042.441.543
1. Phải thu của khách hàng	131		1.142.919.026.709	1.291.385.893.513
2. Trả trước cho người bán	132		129.854.034.100	105.799.564.585
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		145.184.006.104	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135	V.2	95.837.104.334	94.022.024.143
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	139		(165.040.698)	(165.040.698)
IV. Hàng tồn kho	140		646.948.524.403	595.930.933.354
1. Hàng tồn kho	141	V.3	647.313.598.093	596.296.007.044
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		(365.073.690)	(365.073.690)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		72.495.113.512	44.917.471.219
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.4	16.012.443.292	1.703.365.250
2. Thuế Giá trị gia tăng được khấu trừ	152		16.339.683.039	6.776.753.350
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	154	V.5	34.961.119	36.358.248
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		40.108.026.062	36.400.994.371

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HANAKA
 Khu Công nghiệp Hanaka, thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh
 Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/3/2012	01/4/2011
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		2.250.732.251.320	1.933.089.905.309
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		2.027.593.722.587	1.702.548.675.517
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.6	1.561.235.151.486	1.462.368.292.376
- Nguyên giá	222		1.859.288.937.920	1.664.201.664.835
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(298.053.786.434)	(201.833.372.459)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.7	1.531.806.083	1.751.814.407
- Nguyên giá	228		2.250.783.805	2.250.783.805
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(718.977.722)	(498.969.398)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.8	464.826.765.018	238.428.568.734
III. Bất động sản đầu tư	240	V.9	46.751.829.998	46.851.830.000
1. Nguyên giá	241		47.189.330.000	47.189.330.000
2. Giá trị hao mòn lũy kế (*)	242		(437.500.002)	(337.500.000)
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		70.932.097.500	70.932.097.500
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	V.10	400.000.000	400.000.000
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.11	70.532.097.500	70.532.097.500
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)	259		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		40.633.731.371	39.100.666.809
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.12	40.492.731.371	38.959.666.809
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268		141.000.000	141.000.000
VI. Lợi thế thương mại	269		64.820.869.864	73.656.635.483
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		4.513.668.210.728	4.077.961.525.717

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HANAKA
 Khu Công nghiệp Hanaka, thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh
Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/3/2012	01/4/2011
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		3.566.117.891.025	3.042.953.895.623
I. Nợ ngắn hạn	310		2.380.954.728.644	2.121.636.372.809
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.13	918.109.940.849	790.673.293.452
2. Phải trả người bán	312		1.306.354.440.200	1.115.731.711.052
3. Người mua trả tiền trước	313		41.869.585.425	141.662.041.479
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.14	30.688.104.797	51.666.292.039
5. Phải trả người lao động	315		3.480.732.662	3.017.373.197
6. Chi phí phải trả	316	V.15	18.041.920.297	6.326.621.830
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.16	62.410.004.414	11.943.780.650
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng phúc lợi	323		-	615.259.110
II. Nợ dài hạn	330		1.185.163.162.381	921.317.522.814
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		10.000.000.000	-
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.17	1.175.159.162.381	921.313.522.814
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		4.000.000	4.000.000
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		928.057.961.042	1.010.751.562.987
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.18	928.057.961.042	1.010.751.562.987
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		766.111.437.372	766.111.437.372
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		136.107.750.000	136.107.750.000
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	413		(21.620.104.170)	(22.983.578.889)
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		47.458.877.840	131.515.954.504
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
C. LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	439		19.492.358.661	24.256.067.107
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		4.513.668.210.728	4.077.961.525.717

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HANAKA
 Khu Công nghiệp Hanaka, thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh
 Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	31/3/2012	01/4/2011
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
5. Ngoại tệ các loại			
USD		83.600,20	62.159,21
SGD		129,10	129,10
EUR		4.257,18	426,97
RMY		18,00	18,00
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

Ghi chú: Các chỉ tiêu có số liệu âm được ghi trong ngoặc đơn ().

Bắc Ninh, ngày 16 tháng 7 năm 2013

Phó Phòng Kế toán



Trần Thị Thanh Huyền

Tổng Giám đốc



Mẫn Ngọc Anh



BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Từ ngày 01/4/2011 đến ngày 31/3/2012

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/4/2011 đến 31/3/2012	Từ 01/4/2010 đến 31/3/2011
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	2.761.949.494.108	3.191.184.311.246
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	2.419.507.029	3.178.185.544
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.3	2.759.529.987.079	3.188.006.125.702
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.4	2.483.036.712.669	2.835.036.117.036
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		276.493.274.410	352.970.008.666
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.5	11.832.031.321	8.269.914.757
7. Chi phí tài chính	22	VI.6	279.173.670.201	194.500.775.113
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		239.373.197.039	153.755.867.657
8. Chi phí bán hàng	24		35.482.215.718	28.490.433.281
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		57.557.418.603	60.637.296.887
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(83.887.998.792)	77.611.418.142
11. Thu nhập khác	31		70.517.869.877	18.948.254.174
12. Chi phí khác	32		73.617.767.012	19.824.602.429
13. Lợi nhuận khác	40		(3.099.897.135)	(876.348.255)
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(86.987.895.926)	76.735.069.887
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.7	378.959.261	1.510.799.164
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
18. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		(87.366.855.188)	75.224.270.723
18.1 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	61		(3.737.718.519)	4.003.307.872
18.2 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của Công ty mẹ	62		(83.629.136.669)	71.220.962.851
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	V.18	(1.092)	1.035

Phó Phòng Kế toán

Trần Thị Thanh Huyền

Bắc Ninh, ngày 16 tháng 7 năm 2013

Tổng Giám đốc

Mẫn Ngọc Anh

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)
Từ ngày 01/4/2011 đến ngày 31/3/2012

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/4/2011 đến 31/3/2012	Từ 01/4/2010 đến 31/3/2011
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		(86.987.895.926)	62.255.337.013
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao tài sản cố định	02		96.822.316.007	92.218.977.243
- Các khoản dự phòng	03		-	(1.969.885.612)
- (Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		(4.823.624.490)	1.846.784.413
- (Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	05		-	(2.441.717.662)
- Chi phí lãi vay	06		239.373.197.039	153.755.867.657
- Phần lãi (lỗ) trong công ty liên kết	07			
3. Lợi nhuận/(lỗ) từ HĐKD trước thay đổi vốn lưu động	08		244.383.992.630	305.665.363.052
- (Tăng)/giảm các khoản phải thu	09		(35.875.643.933)	(245.424.477.563)
- (Tăng)/giảm hàng tồn kho	10		(51.017.591.049)	(25.428.518.727)
- Tăng/(giảm) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11		65.737.479.717	299.620.467.966
- (Tăng)/giảm chi phí trả trước	12		(15.842.142.604)	(6.597.188.843)
- Tiền lãi vay đã trả	13		(227.956.712.715)	(152.800.202.215)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(2.083.302.194)	(619.681.717)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		2.018.900.454	4.314.465.154
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16		(31.401.552.086)	(1.774.593.600)
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh	20		(52.036.571.781)	(128.709.729.545)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	21		(370.894.016.269)	(595.965.136.713)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22		2.758.819.310	29.866.664
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	(900.000.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	10.000.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		5.097.185.084	2.441.717.662
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư	30		(363.038.011.875)	(594.383.552.387)

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HANAKA
 Khu Công nghiệp Hanaka, thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh
 Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/4/2011 đến 31/3/2012	Từ 01/4/2010 đến 31/3/2011
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	13.400.000.000
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		1.810.405.309.486	1.710.274.651.431
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(1.378.017.018.707)	(1.222.012.929.693)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(427.939.996)	(92.602.947.000)
Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính	40		431.960.350.783	409.058.774.738
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		16.885.767.126	(8.369.144.142)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		12.980.774.293	21.348.182.492
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(3.350.476)	1.735.943
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70		29.863.190.943	12.980.774.293

Phó Phòng Kế toán



Trần Thị Thanh Huyền

Bắc Ninh, ngày 16 tháng 7 năm 2013



Tổng Giám đốc



Mẫn Ngọc Anh

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Từ ngày 01 tháng 4 năm 2011 đến ngày 31 tháng 3 năm 2012

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. Hình thức sở hữu vốn

Là Công ty Cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất, xây dựng, thương mại và dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh

Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty mẹ và các Công ty con như sau:

Công ty mẹ - Công ty Cổ phần Tập đoàn Hanaka:

- Sản xuất các loại máy biến áp phân phối dầu, máy biến áp phân phối khô có điện áp đến 35KV, công suất từ 10KVA đến 30.000KVA;
- Sản xuất các loại máy biến áp truyền tải có điện áp từ 110KV đến 220KV, công suất từ 25MVA đến 450MVA;
- Sản xuất bán thành phẩm máy biến áp: Xẻ băng, cắt chéo lõi tôn silic, vỏ tải nhiệt máy biến áp phân phối dạng cánh sóng và vỏ máy biến áp truyền tải đến 220KV;
- Sản xuất tủ điện, bảng điện trung, hạ thế có điện áp tới 35KV;
- Sản xuất các loại trạm biến áp trọn bộ kiểu kiot có điện áp tới 35KV;
- Sản xuất các loại dây đồng tròn trần và tráng sơn cách điện kỹ thuật điện đường kính từ 0,1 đến 8 và 12,5 (mm);
- Sản xuất các loại dây nhôm kỹ thuật điện đường kính từ 1 đến 9,5 mm;
- Dây và cáp nhôm trần, đồng trần, dây nhôm trần lõi thép có tiết diện đến 1200mm², điện áp đến 500KV;
- Sản xuất cáp điện ngầm trung, hạ thế lõi đồng/nhôm điện áp đến 35KV, cáp ngầm siêu cao áp đến 220KV bọc PVC/XLPE (gồm cả vặn xoắn, bọc thép, chống thấm);
- Sản xuất dây điện dân dụng, cáp điều khiển, cáp thông tin;
- Sản xuất các loại cáp điện chống cháy nổ, chống nhiễm mặn, chống thấm, các thiết bị điện phục vụ cho ngành đóng tàu và khai thác khoáng sản;
- Sản xuất dây đồng dẹt dạng trần và tráng sơn cách điện, bọc giấy, đồng thanh cái, đồng ống, đầu cốt (các sản phẩm bằng đồng);
- Đúc các linh kiện đồng, nhôm dùng cho nhà máy biến áp, dây cáp điện, công tắc cầu dao, cầu chì, máy ngắt, tủ bảng điện;
- Sản xuất các cầu dao, máy cắt, cầu chì;
- Sản xuất các phụ tùng, phụ kiện đường dây và trạm biến áp có điện áp tới 500KV;
- Sản xuất xi măng;
- Khai thác và chế biến khoáng sản;
- Sản xuất các loại kim loại;
- Đầu tư thủy điện, nhiệt điện, kinh doanh mua bán điện;

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HANAKA

Khu Công nghiệp Hanaka, thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- Kinh doanh xuất nhập khẩu vật tư, nguyên liệu, máy móc thiết bị, dụng cụ, phụ tùng, phụ kiện phục vụ cho sản xuất thiết bị điện và các ngành công nghiệp, điện lực, nông nghiệp, giao thông vận tải và xây dựng;
- Xây lắp các đường dây và trạm biến áp có điện áp tới 330KV;
- Xây dựng các công trình dân dụng, giao thông, công nghiệp, nông nghiệp, san lấp mặt bằng;
- Sửa chữa, bảo hành các loại máy biến áp phân phối dầu, máy biến áp phân phối khô có điện áp tới 35KV, công suất từ 10KVA đến 30.000KVA;
- Sửa chữa, bảo hành các loại máy biến áp truyền tải có điện áp từ 110KV đến 220KV, công suất từ 25MVA đến 450MVA;
- Sửa chữa, bảo hành máy móc thiết bị, linh kiện trong các lĩnh vực điện, công nghiệp, giao thông vận tải và xây dựng;
- Kinh doanh, đầu tư phát triển hạ tầng khu công nghiệp;
- Sản xuất kinh doanh bao bì, đồ hộp cho ngành ăn uống, bia rượu;
- Kinh doanh môi giới, đầu giá bất động sản;
- Kinh doanh siêu thị, làm đại lý bán vé máy bay, vé tàu, xe, đại lý mua, bán, ký gửi hàng hóa;
- Kinh doanh các dịch vụ chăm sóc sức khỏe, sắc đẹp, tắm quất, xông hơi, xoa bóp, bấm huyệt, vật lý trị liệu;
- Cho thuê bãi đỗ xe, nhà xưởng sản xuất, kho tàng phương tiện vận tải và máy móc thiết bị;
- Tháo dỡ công trình dân dụng, công nghiệp;
- Kinh doanh khách sạn, nhà hàng;
- Cho thuê nhà phục vụ các mục đích kinh doanh (kiốt, trung tâm thương mại), cho thuê văn phòng;
- Kinh doanh khu vui chơi, giải trí;
- Sản xuất kinh doanh các sản phẩm từ cao su, bột cao su, nhựa đường;
- Mua bán, bảo dưỡng, sửa chữa ô tô, xe máy và các bộ phận phụ trợ.

Công ty con - Công ty Cổ phần Hatachi Hà Nội:

- Sản xuất các loại dây đồng tròn trần và tráng sơn cách điện kỹ thuật điện đường kính từ 0,1 đến 8 và 12,5 mm;
- Sản xuất các loại dây nhôm kỹ thuật điện đường kính từ 1 đến 9,5 mm;
- Sản xuất dây và cáp nhôm trần, đồng trần, dây nhôm trần lõi thép có tiết diện đến 1200mm², điện áp đến 500KV;
- Sản xuất dây điện dân dụng, cáp điều khiển, cáp thông tin;
- Sản xuất các loại cáp điện chống cháy nổ, chống nhiễm mặn, chống thấm, các thiết bị điện phục vụ cho ngành đóng tàu và khai thác khoáng sản;
- Sản xuất dây đồng dẹt dạng trần và tráng sơn cách điện, bọc giấy, đồng thanh cái, đồng ống, đầu cốt;
- Đúc các linh kiện đồng, nhôm dùng cho nhà máy biến áp, dây cáp điện, công tắc cầu dao, cầu chì, máy ngắt, tủ bảng điện;
- Kinh doanh vật tư, nguyên vật liệu, máy móc thiết bị, dụng cụ, phụ tùng, phụ kiện phục vụ cho sản xuất thiết bị điện và các ngành: Công nghiệp, điện lực, nông nghiệp, giao thông vận tải và xây dựng

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HANAKA

Khu Công nghiệp Hanaka, thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

như: vật tư, nguyên vật liệu: kim loại đen, kim loại màu như thép silic, thép tấm, thép hình, thép cây, đồng, nhôm, thiếc, kẽm... Thiết bị phục vụ sản xuất máy biến áp và dây cáp điện;

- Kinh doanh vật tư, nguyên liệu phục vụ ngành sản xuất bao bì kim loại, lon nhôm;
- Sản xuất các cầu dao, máy cắt, cầu chì;
- Sản xuất các phụ tùng, phụ kiện đường dây và trạm biến áp có điện áp tới 500KV;
- Sản xuất các sản phẩm kim loại;
- Kinh doanh bao bì đồ hộp kim loại phục vụ ngành ăn uống giải khát;
- Xây lắp các đường dây và trạm biến áp có điện áp tới 220KV;
- Xây dựng các công trình dân dụng, giao thông, công nghiệp, nông nghiệp, san lấp mặt bằng;
- Sửa chữa, bảo hành máy móc thiết bị, linh kiện trong các lĩnh vực điện, công nghiệp, nông nghiệp, giao thông vận tải và xây dựng.

Công ty con - Công ty Cổ phần Rexam – Hanacans:

- Sản xuất và kinh doanh lon nhôm và nắp nhôm, bao bì kim loại;
- Xuất nhập khẩu và kinh doanh vật tư, nguyên vật liệu, máy móc, thiết bị, dụng cụ, phụ tùng, phụ kiện phục vụ cho sản xuất thiết bị điện và các ngành: Công nghiệp, điện lực, nông nghiệp, giao thông vận tải và xây dựng;
- Xuất nhập khẩu và kinh doanh vật tư, nguyên vật liệu: Kim loại đen, kim loại màu như thép silic, thép tấm, thép hình, thép cây, đồng, nhôm, thiếc, kẽm;
- Cho thuê phương tiện vận tải và máy móc thiết bị.

Công ty con - Công ty Cổ phần Re Xam A.B.M:

- Sản xuất bao bì, đồ hộp kim loại ngành ăn uống, bia rượu;
- Mua bán, xuất nhập khẩu kim loại đen, kim loại màu;
- Sản xuất các loại nắp chai, nắp lon bằng kim loại dùng trong ngành ăn uống, rượu, bia;
- In trên các loại bao bì, vỏ lon, nắp chai, nắp lon bằng kim loại;
- Cho thuê nhà xưởng sản xuất, kho tàng, phương tiện vận tải, máy móc thiết bị;
- Mua bán đồ gỗ gia dụng, hàng trang trí nội thất;
- Sản xuất máy biến áp truyền tải, thiết bị phụ trợ máy biến áp (không chế biến gỗ và sản xuất máy tại trụ sở).

Công ty con - Công ty Cổ phần Cáp điện Hanaka - Korea:

- Sản xuất, kinh doanh dây và cáp điện trung, hạ và cao thế.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HANAKA

Khu Công nghiệp Hanaka, thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

4. Thông tin về các Công ty con

STT	Tên và địa chỉ của Công ty con	Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh			Vốn thực góp tại ngày 31/3/2012		
		Tổng vốn điều lệ (VND)	Vốn cam kết góp của Công ty mẹ (VND)	Tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty mẹ tính theo vốn điều lệ (%)	Giá trị vốn thực góp của Công ty con (VND)	Giá trị vốn thực góp của Công ty mẹ tại Công ty con (VND)	Tỷ lệ vốn góp của Công ty mẹ (%)
1	Công ty Cổ phần Hatachi Hà Nội Khu Công nghiệp Hanaka, thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh	289.000.000.000	187.850.000.000	65%	184.269.940.067	184.269.940.067	100%
2	Công ty Cổ phần Rexam – Hanacans Khu Công nghiệp Hanaka, thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh	268.000.000.000	162.000.000.000	60,4%	159.665.308.913	159.665.308.913	100%
3	Công ty Cổ phần Re Xam A.B.M Lô 15, khu Công nghiệp Tam Phước, xã Tam Phước, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai	190.182.700.000	169.412.700.000	89,08%	270.680.000.000	225.380.000.000	93,17%
4	Công ty Cổ phần Cấp điện Hanaka – Korea Khu công nghiệp Hanaka, thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh	266.880.000.000	239.500.000.000	89,74%	240.000.000.000	239.500.000.000	99,79%

II. NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Niên độ kế toán

Niên độ của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 4 và kết thúc vào 31 tháng 3 của năm tiếp theo.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006, Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Chế độ kế toán doanh nghiệp của Bộ Tài chính, các chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán Việt Nam

Báo cáo tài chính được lập và trình bày phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập căn cứ vào Báo cáo tài chính của Công ty mẹ và Báo cáo tài chính của các Công ty con.

Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi đánh giá quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng hiện đang có hiệu lực hay sẽ được chuyển đổi.

Kết quả hoạt động kinh doanh của công ty con sẽ được đưa vào báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày mua, là ngày công ty mẹ thực sự nắm quyền kiểm soát công ty con. Kết quả hoạt động kinh doanh của công ty con bị thanh lý được đưa vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho tới ngày thanh lý.

Chênh lệch giữa chi phí đầu tư và phần sở hữu của Công ty trong giá trị hợp lý của tài sản thuần có thể xác định được của công ty con tại ngày mua được ghi nhận là lợi thế thương mại.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa Công ty mẹ và các công ty con, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Các khoản tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng và tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 03 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HANAKA
Khu Công nghiệp Hanaka, thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh
Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Tại thời điểm cuối năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố vào ngày kết thúc niên độ kế toán.

Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm của các khoản mục tiền tệ được kết chuyển vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong năm tài chính.

Tại thời điểm cuối năm các khoản mục tiền tệ, các khoản công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố vào ngày kết thúc niên độ kế toán. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ tại thời điểm cuối năm được ghi nhận trên Báo cáo tài chính theo Thông tư số 201/2009/TT-BTC ngày 15 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá trong doanh nghiệp.

2. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Phương pháp tính giá hàng tồn kho: Thực tế đích danh.

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Kế khai thường xuyên.

3. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình:

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình:

Khấu hao của TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được xác định phù hợp với quy định tại Thông tư số 203/2009/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài chính.

4. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình nắm giữ chờ tăng giá, hoặc cho thuê hoạt động, bất động sản đầu tư được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

5. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được phản ánh theo phương pháp vốn chủ sở hữu trong báo cáo tài chính hợp nhất.

Khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn khác được phản ánh theo phương pháp giá gốc.

6. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay".

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HANAKA
Khu Công nghiệp Hanaka, thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh
Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

7. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí khác

Các khoản chi phí trả trước được vốn hóa để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh bao gồm:

- Giá trị lợi thế kinh doanh;
- Giá trị còn lại của công cụ dụng cụ đã xuất dùng phân bổ cho nhiều năm tài chính;
- Các khoản chi phí khác.

Giá trị lợi thế kinh doanh được ghi nhận theo giá trị lợi thế xác định khi chuyển đổi Nhà máy Thiết bị điện Hanaka thành Công ty Cổ phần Tập đoàn Hanaka theo văn bản số 127/TĐG-KQ ngày 12 tháng 02 năm 2007 và Công văn số 38N/TĐG-CV ngày 03 tháng 4 năm 2007 của Trung tâm Thẩm định giá thuộc Bộ Tài chính và đã được các Cổ đông sáng lập thông qua theo Biên bản họp ngày 12 tháng 02 năm 2007.

Giá trị lợi thế kinh doanh được phân bổ dần vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 10 năm.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước khác vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

8. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

9. Nguyên tắc ghi nhận vốn đầu tư của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần là phần chênh lệch tăng giữa giá thực tế phát hành so với mệnh giá cổ phiếu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

10. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng:

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản tiền đã thu hoặc sẽ thu được theo nguyên tắc kế toán dồn tích. Các khoản nhận trước của khách hàng không được ghi nhận là doanh thu trong năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HANAKA

Khu Công nghiệp Hanaka, thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Doanh thu cung cấp dịch vụ:

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán hợp nhất;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu hoạt động tài chính:

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (02) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

Doanh thu hợp đồng xây dựng:

Hợp đồng xây dựng mà Công ty đang thực hiện quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện. Doanh thu hợp đồng xây dựng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong năm. Kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính đáng tin cậy dựa trên hồ sơ nghiệm thu thanh toán với chủ đầu tư.

11. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

Hiện tại, Công ty mẹ và các Công ty con đang được hưởng các ưu đãi về thuế TNDN như sau:

Công ty mẹ - Công ty Cổ phần Tập đoàn Hanaka:

- Thuế suất thuế TNDN là 20% áp dụng đối với thu nhập chịu thuế của hoạt động sản xuất trong thời hạn 10 năm kể từ khi bắt đầu hoạt động kinh doanh của Nhà máy Thiết bị điện Hanaka.
- Được miễn thuế TNDN trong 02 năm và giảm 50% trong 05 năm tiếp theo kể từ khi có thu nhập chịu thuế đối với hoạt động sản xuất. Năm 2005 là năm đầu tiên Công ty mẹ có thu nhập chịu thuế từ hoạt động sản xuất.

Công ty con - Công ty Cổ phần Re Xam A.B.M:

- Đối với hoạt động sản xuất, in các loại bao bì, vỏ đồ hộp, nắp lon, nắp chai bằng kim loại dùng trong ngành ăn uống, bia, rượu:

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HANAKA

Khu Công nghiệp Hanaka, thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Thuế thu nhập doanh nghiệp hàng năm bằng 15% thu nhập chịu thuế trong 12 năm kể từ khi doanh nghiệp bắt đầu hoạt động và bằng 25% trong các năm tiếp theo. Doanh nghiệp được miễn thuế TNDN trong 03 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% số thuế phải nộp trong 07 năm tiếp theo.

- Đối với hoạt động cho thuê nhà xưởng, văn phòng, máy móc thiết bị và phương tiện vận tải:

Thuế TNDN hàng năm bằng 20% thu nhập chịu thuế trong 10 năm kể từ khi doanh nghiệp bắt đầu hoạt động và bằng 25% trong các năm tiếp theo. Doanh nghiệp được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 02 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% số thuế phải nộp trong 06 năm tiếp theo.

Công ty con - Công ty Cổ phần Hatachi Hà Nội:

- Thuế suất thuế TNDN là 20% áp dụng đối với thu nhập chịu thuế của hoạt động sản xuất trong thời hạn 10 năm kể từ khi bắt đầu hoạt động kinh doanh của Nhà máy sản xuất dây điện từ Hatachi.
- Công ty được miễn thuế TNDN trong 02 năm và giảm 50% trong 03 năm tiếp theo kể từ khi có thu nhập chịu thuế đối với hoạt động sản xuất. Năm 2009 là năm đầu tiên Công ty có thu nhập chịu thuế từ hoạt động sản xuất.

Công ty con - Công ty Cổ phần Rexam - Hanacans:

- Trong năm tài chính bắt đầu từ ngày 01 tháng 4 năm 2011 và kết thúc tại ngày 31 tháng 3 năm 2012, Công ty được miễn 50% thuế thu nhập doanh nghiệp do Công ty được kế thừa các quyền, lợi ích hợp pháp và các nghĩa vụ khác của Công ty Cổ phần Bao bì kim loại Vinacans Hà Nội liên quan đến hoạt động Dự án đầu tư xây dựng nhà máy sản xuất vỏ lon giải khát bằng nhôm tại KCN Hanaka.

Công ty con - Công ty Cổ phần Cáp điện Hanaka - Korea:

- Miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 02 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% số thuế phải nộp cho 3 năm tiếp theo.
- Mức thuế suất 20% áp dụng trong 10 năm kể từ khi dự án đầu tư bắt đầu hoạt động sản xuất kinh doanh. Sau thời hạn trên mức thuế suất áp dụng là 25%.

14. Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp giá mua. Việc hạch toán này bao gồm việc ghi nhận tài sản và nợ phải trả của bên mua theo giá trị hợp lý.

Lợi thế thương mại phát sinh từ hợp nhất kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, là phần chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần sở hữu của bên mua trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận. Lợi thế thương mại được phân bổ trong thời gian hữu ích được ước tính là mười (10) năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HANAKA
 Khu Công nghiệp Hanaka, thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh
Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Đơn vị tính: VND

1. Tiền	31/3/2012	01/4/2011
- Tiền mặt tại quỹ	1.284.111.282	1.734.066.529
- Tiền gửi ngân hàng	28.579.079.661	11.246.707.764
Cộng	29.863.190.943	12.980.774.293
2. Các khoản phải thu ngắn hạn khác	31/3/2012	01/4/2011
- Phải thu người lao động	-	1.400.000
- Phải thu khác	95.837.104.334	94.020.624.143
+ VAT hàng nhập khẩu	14.348.908.911	-
+ Công ty CP Vinametal	290.013.057	-
+ Phải thu về nắp lon giao thừa	1.226.432.942	-
+ Khác	79.971.749.424	94.020.624.143
Cộng	95.837.104.334	94.022.024.143
3. Hàng tồn kho	31/3/2012	01/4/2011
- Hàng mua đang đi đường	4.033.320.013	16.248.058.655
- Nguyên liệu, vật liệu	353.423.620.632	371.899.123.078
- Công cụ, dụng cụ	13.095.913.058	12.195.162.071
- Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	87.690.430.191	53.861.238.153
- Thành phẩm	186.868.969.293	132.171.705.656
- Hàng hoá	2.201.344.906	9.920.719.431
Cộng giá gốc của hàng tồn kho	647.313.598.093	596.296.007.044
4. Chi phí trả trước ngắn hạn	31/3/2012	01/4/2011
- Giá trị còn lại của đồ dùng văn phòng chưa phân bổ	298.548.675	16.358.449
- Khác	15.713.894.617	1.687.006.801
Cộng	16.012.443.292	1.703.365.250
5. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	31/3/2012	01/4/2011
- Thuế giá trị gia tăng	34.961.119	15.967.573
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	20.390.675
Cộng	34.961.119	36.358.248

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HANAKA
Khu Công nghiệp Hanaka, thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh
Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

6. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, Vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ QL	Tài sản khác	Cộng
I. Nguyên giá						
Số dư đầu năm	334.402.239.626	1.286.108.961.774	36.342.521.224	6.257.942.211	1.090.000.000	1.664.201.664.835
- Mua trong năm	231.267.647	59.546.401.952	715.890.909	99.490.000	-	60.593.050.508
- Đầu tư XDCB hoàn thành	-	129.146.856.664	-	-	-	129.146.856.664
- Tăng do hợp nhất kinh doanh	-	-	-	-	-	-
- Tăng khác	-	8.217.258.233	170.820.696	-	-	8.388.078.929
- Phân loại lại tài sản	-	(1.168.663.137)	1.168.663.137	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	(3.010.584.008)	-	(30.129.008)	-	(3.040.713.016)
- Giảm khác	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm	334.633.507.273	1.478.840.231.478	38.397.895.966	6.327.303.203	1.090.000.000	1.859.288.937.920
II. Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	27.332.457.001	163.789.026.581	7.799.751.258	2.771.451.882	140.685.737	201.833.372.459
- Số khấu hao trong năm	6.608.064.084	85.632.036.063	3.250.884.162	875.073.372	136.250.000	96.502.307.681
- Tăng do hợp nhất kinh doanh	-	-	-	-	-	-
- Tăng khác	-	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	(251.764.698)	-	(30.129.008)	-	(281.893.706)
- Giảm khác	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm	33.940.521.085	249.169.297.946	11.050.635.420	3.616.396.246	276.935.737	298.053.786.434
III. Giá trị còn lại						
1. Tại ngày đầu năm	307.069.782.625	1.122.319.935.193	28.542.769.966	3.486.490.329	949.314.263	1.462.368.292.376
2. Tại ngày cuối năm	300.692.986.188	1.229.670.933.532	27.347.260.546	2.710.906.957	813.064.263	1.561.235.151.486



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HANAKA
 Khu Công nghiệp Hanaka, thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh
Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

7. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Phần mềm kế toán	TSCĐ vô hình khác	Cộng
I. Nguyên giá				
<i>Số dư đầu năm</i>	1.309.097.613	941.686.192	-	2.250.783.805
- Mua trong năm	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-
<i>Số dư cuối năm</i>	1.309.097.613	941.686.192	-	2.250.783.805
II. Giá trị hao mòn lũy kế				
<i>Số dư đầu năm</i>	120.485.471	378.483.927	-	498.969.398
- Số khấu hao trong năm	29.091.060	190.917.264	-	220.008.324
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-
<i>Số dư cuối năm</i>	149.576.531	569.401.191	-	718.977.722
III. Giá trị còn lại				
<i>1. Tại ngày đầu năm</i>	1.188.612.142	563.202.265	-	1.751.814.407
<i>2. Tại ngày cuối năm</i>	1.159.521.082	372.285.001	-	1.531.806.083

Giá trị quyền sử dụng đất là chi phí (bao gồm cả tiền thuê đất đã trả một lần) để có quyền thuê đất (thời hạn đến năm 2051) tại khu đất ở thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh (trụ sở chính của Công ty mẹ đặt tại khu đất này).

8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/3/2012	01/4/2011
Bao gồm:		
- Xưởng Hatachi	5.613.933.593	5.572.447.048
- Khu Công nghiệp, đô thị và dịch vụ Hanaka	110.632.232.118	62.409.829.330
- Xây dựng nhà xưởng Ha Na Lu Huân	3.798.484.841	2.476.455.466
- Máy đập lon	11.050.353.075	-
- Máy dập cúp	13.541.071.642	-
- Máy xả nhôm cuộn	7.273.899.505	-
- Dây chuyền sản xuất lon	9.651.423.607	-
- Đầu tư XD MMTB	237.306.073.912	8.970.258.761
- Máy gấp vỏ	7.315.071.840	33.184.716.870
- Máy tráng men	1.076.400.720	-
- Lò ủ sấy	35.449.378.031	14.289.388.141
- Máy làm cổ lon, máy xén miệng lon	-	40.950.000.000
- Hệ thống nút khoén	-	50.388.934.341
- Nhà xưởng đường số 5 KCN Tam Phước	20.825.231.969	-
- Khác	1.293.210.165	20.186.538.777
Cộng	464.826.765.018	238.428.568.734

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HANAKA
 Khu Công nghiệp Hanaka, thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh
Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

9. Bất động sản đầu tư

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Nhà	Nhà và quyền sử dụng đất	Cộng
I. Nguyên giá				
Số dư đầu năm	-	-	47.189.330.000	47.189.330.000
- Tăng trong năm	-	-	-	-
- Giảm trong năm	-	-	-	-
Số dư cuối năm	-	-	47.189.330.000	47.189.330.000
II. Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu năm	-	-	337.500.000	337.500.000
- Tăng trong năm	-	-	100.000.002	100.000.002
- Giảm trong năm	-	-	-	-
Số dư cuối năm	-	-	437.500.002	437.500.002
III. Giá trị còn lại				
1. Tại ngày đầu năm	-	-	46.851.830.000	46.851.830.000
2. Tại ngày cuối năm	-	-	46.751.829.998	46.751.829.998

10. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh

	31/3/2012	01/4/2011
- Công ty Cổ phần XD Công nghiệp Hanaka	400.000.000	400.000.000
Cộng	400.000.000	400.000.000

11. Đầu tư dài hạn khác

	31/3/2012	01/4/2011
- Hợp đồng hợp tác đầu tư với Công ty TNHH Hồng Ngọc để xây dựng Trung tâm Thương mại Hồng Kông (*)	60.000.000.000	60.000.000.000
- Mua Cổ phần của Công ty Cổ phần thiết bị điện	10.532.097.500	10.532.097.500
Cộng	70.532.097.500	70.532.097.500

(*): Theo hợp đồng hợp tác đầu tư ngày 18/3/2008 giữa Hanaka và Công ty TNHH Hồng Ngọc, hai bên sẽ góp vốn để thực hiện dự án "Xây dựng và kinh doanh Trung tâm Thương mại Hồng Kông". Tổng vốn đầu tư của dự án là 540 tỷ đồng, trong đó, phần vốn góp cam kết của Hanaka là 200 tỷ đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HANAKA
 Khu Công nghiệp Hanaka, thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh
Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

12. Chi phí trả trước dài hạn

	31/3/2012	01/4/2011
- Giá trị lợi thế kinh doanh (*)	13.409.208.757	16.159.815.682
- Giá trị công cụ xuất dùng chờ phân bổ	309.586.716	522.299.972
- Chi phí thành lập doanh nghiệp	440.745.306	-
- Chênh lệch tỷ giá	20.394.688.524	20.408.484.070
- Chi phí trả trước khác	5.938.502.068	1.869.067.085
Cộng	40.492.731.371	38.959.666.809

(*) Giá trị lợi thế kinh doanh là giá trị lợi thế được xác định khi chuyển đổi Nhà máy Thiết bị Điện Hanaka sang Công ty Cổ phần Tập đoàn Hanaka theo văn bản số 127/TĐG-KQ ngày 12/02/2007 và công văn số 38N/TĐG-CV ngày 03/4/2007 của Trung tâm Thẩm định giá thuộc Bộ Tài chính và đã được các cổ đông sáng lập thông qua theo Biên bản họp ngày 12/02/2007. Giá trị lợi thế này đang được phân bổ dần vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 10 năm.

13. Vay và nợ ngắn hạn

	31/3/2012	01/4/2011
Vay ngắn hạn	918.109.940.849	790.673.293.452
- Vay ngân hàng	916.139.431.966	788.702.784.569
- Vay các đối tượng khác	1.970.508.883	1.970.508.883
Nợ dài hạn đến hạn trả	-	-
Cộng	918.109.940.849	790.673.293.452

14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	31/3/2012	01/4/2011
- Thuế giá trị gia tăng	3.443.909.631	35.825.387.970
- Thuế GTGT hàng nhập khẩu phải nộp	21.725.493.472	7.996.637.772
- Thuế TTĐB	-	5.769.000
- Thuế xuất, nhập khẩu	3.470.908.246	4.396.668.688
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.702.810.858	3.407.153.792
- Thuế thu nhập cá nhân	106.447.590	34.674.817
Cộng	30.688.104.797	51.666.292.039

15. Chi phí phải trả

	31/3/2012	01/4/2011
- Lãi vay phải trả	16.450.222.071	4.726.787.082
- Trích trước chi phí khác	1.591.698.226	1.599.834.748
Cộng	18.041.920.297	6.326.621.830

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HANAKA
 Khu Công nghiệp Hanaka, thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh
Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

16. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	31/3/2012	01/4/2011
- Tài sản thừa chờ giải quyết	1.513.969.504	865.585.840
- Kinh phí công đoàn	113.135.621	493.957.774
- Bảo hiểm xã hội	840.006.711	969.807.478
- Bảo hiểm y tế	59.858.837	98.808.579
- Bảo hiểm thất nghiệp	23.851.730	22.255.784
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	743.110.000	748.510.000
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	59.116.072.011	8.744.855.195
Cộng	62.410.004.414	11.943.780.650

17. Vay và nợ dài hạn

	31/3/2012	01/4/2011
Vay dài hạn	1.175.159.162.381	921.313.522.814
- Vay ngân hàng	1.175.159.162.381	921.313.522.814
- Vay các đối tượng khác	-	-
Nợ dài hạn	-	-
- Thuê tài chính	-	-
- Nợ dài hạn khác	-	-
Cộng	1.175.159.162.381	921.313.522.814

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HANAKA
 Khu Công nghiệp Hanaka, thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh
Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

18. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

Khoản mục	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Số dư đầu năm trước	688.000.000.000	136.107.750.000	-	154.483.225.806	978.590.975.806
- Tăng vốn trong năm trước	78.111.437.372	-	-	-	78.111.437.372
- Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	71.220.962.851	71.220.962.851
- Tăng khác	-	-	-	-	-
- Giảm vốn trong năm trước	-	-	-	-	-
- Phân phối lợi nhuận năm trước	-	-	-	(1.000.000.000)	(1.000.000.000)
- Chia cổ tức	-	-	-	(92.602.947.000)	(92.602.947.000)
- Giảm khác	-	-	(22.983.578.889)	(585.287.153)	(23.568.866.042)
Số dư cuối năm trước	766.111.437.372	136.107.750.000	(22.983.578.889)	131.515.954.504	1.010.751.562.987
Số dư đầu năm nay					
- Tăng vốn trong năm	-	-	-	-	-
- Lợi nhuận trong năm	-	-	-	(83.629.136.669)	(83.629.136.669)
- Tăng khác	-	-	1.363.474.719	-	1.363.474.719
- Giảm vốn trong năm	-	-	-	-	-
- Chia cổ tức	-	-	-	(427.939.995)	(427.939.995)
Số dư cuối năm	766.111.437.372	136.107.750.000	(21.620.104.170)	47.458.877.840	928.057.961.042

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HANAKA
 Khu Công nghiệp Hanaka, thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh
Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/3/2012	01/4/2011
- Vốn góp của Nhà nước	-	-
- Vốn góp của các cổ đông khác	766.111.437.372	766.111.437.372
Cộng	766.111.437.372	766.111.437.372

c. Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu và phân phối lợi nhuận

	Từ 01/4/2011 Đến 31/3/2012	Từ 01/4/2010 Đến 31/3/2011
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	766.111.437.372	688.000.000.000
+ Vốn góp tăng trong năm	-	78.111.437.372
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	766.111.437.372	766.111.437.372
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	427.939.995	92.602.947.000

d. Cổ phiếu

	Từ 01/4/2011 đến 31/3/2012	Từ 01/4/2010 đến 31/3/2011
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	110.000.000	110.000.000
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	76.611.144	76.611.144
+ Cổ phiếu phổ thông	76.611.144	76.611.144
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
+ Cổ phiếu phổ thông	-	-
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	76.611.144	76.611.144
+ Cổ phiếu phổ thông	76.611.144	76.611.144
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-

* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu

e. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Từ 01/4/2011 đến 31/3/2012	Từ 01/4/2010 đến 31/3/2011
- Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN	(83.629.136.669)	71.220.962.851
- Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông	-	-
- Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	(83.629.136.669)	71.220.962.851
- Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	76.611.144	68.800.000
- Lãi cơ bản trên cổ phiếu	(1.092)	1.035

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HANAKA
 Khu Công nghiệp Hanaka, thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh
Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Từ 01/4/2011 đến 31/3/2012	Từ 01/4/2010 đến 31/3/2011
- Doanh thu bán hàng hóa	1.558.788.129.902	3.182.242.845.484
- Doanh thu bán thành phẩm	1.157.348.882.965	-
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	45.812.481.241	4.870.785.867
- Doanh thu hợp đồng xây dựng	-	4.070.679.895
Cộng	2.761.949.494.108	3.191.184.311.246

2. Các khoản giảm trừ doanh thu

	Từ 01/4/2011 đến 31/3/2012	Từ 01/4/2010 đến 31/3/2011
- Chiết khấu thương mại	-	610.000.000
- Giảm giá hàng bán	280.703.873	806.291.240
- Hàng bán bị trả lại	2.138.803.156	1.761.894.304
Cộng	2.419.507.029	3.178.185.544

3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Từ 01/4/2011 đến 31/3/2012	Từ 01/4/2010 đến 31/3/2011
- Doanh thu thuần trao đổi sản phẩm, hàng hóa	2.713.717.505.838	3.183.135.339.835
- Doanh thu thuần trao đổi dịch vụ	45.812.481.241	4.870.785.867
Cộng	2.759.529.987.079	3.188.006.125.702

4. Giá vốn hàng bán

	Từ 01/4/2011 đến 31/3/2012	Từ 01/4/2010 đến 31/3/2011
- Giá vốn bán hàng hóa	1.451.206.873.810	2.829.302.975.761
- Giá vốn bán thành phẩm	1.027.026.881.467	-
- Giá vốn dịch vụ đã cung cấp	4.702.957.390	4.612.644.844
- Giá vốn hợp đồng xây dựng	-	2.917.922.741
- Giá vốn khác	100.000.002	337.500.000
- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	(2.134.926.310)
Cộng	2.483.036.712.669	2.835.036.117.036

5. Doanh thu tài chính

	Từ 01/4/2011 đến 31/3/2012	Từ 01/4/2010 đến 31/3/2011
- Lãi tiền gửi	5.097.185.084	2.258.168.435
- Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	1.369.028.492	5.828.197.095
- Lãi phạt chậm thanh toán	74.970.000	-
- Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	4.959.739.088	-
- Khác	331.108.657	183.549.227
Cộng	11.832.031.321	8.269.914.757

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HANAKA
 Khu Công nghiệp Hanaka, thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh
 Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

6. Chi phí tài chính

	Từ 01/4/2011 đến 31/3/2012	Từ 01/4/2010 đến 31/3/2011
- Chi phí lãi vay	239.373.197.039	153.755.867.657
- Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	35.216.357.650	33.073.860.480
- Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	136.114.598	1.846.784.413
- Chiết khấu thanh toán	-	741.571.879
- Lãi mua hàng trả chậm	290.013.057	-
- Chi phí tài chính khác	4.157.987.857	5.082.690.684
Cộng	279.173.670.201	194.500.775.113

7. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Từ 01/4/2011 đến 31/3/2012	Từ 01/4/2010 đến 31/3/2011
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành.	378.959.261	1.510.799.164
- Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước và chi phí thuế TNDN hiện hành	-	-
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	378.959.261	1.510.799.164

8. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

	Từ 01/4/2011 đến 31/3/2012	Từ 01/4/2010 đến 31/3/2011
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.284.651.163.636	1.070.592.763.274
- Chi phí nhân công	60.300.527.589	44.868.833.806
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	96.822.316.007	92.218.977.243
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	160.359.890.892	106.401.612.551
- Chi phí khác bằng tiền	96.598.277.827	49.872.682.737
Cộng	1.698.732.175.952	1.363.954.869.611

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Không có thông tin.

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Thông tin về các bên liên quan

1.1. Các bên liên quan có mối quan hệ kinh doanh với Công ty trong năm bao gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ
- Công ty TNHH Hồng Ngọc	Công ty TNHH Hồng Ngọc là cổ đông sáng lập của Công ty Cổ phần Tập đoàn Hanaka, vốn cam kết góp theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 652.694.000.000 đồng (chiếm 59,336% vốn điều lệ). Ông Mẫn Ngọc Anh là Chủ tịch Hội đồng Thành viên của Công ty TNHH Hồng Ngọc với tỷ lệ vốn trong Công ty TNHH Hồng Ngọc là 99,08%.

1.2. Tại ngày 31/3/2012, số dư công nợ của Công ty với các bên liên quan như sau:

Công ty Cổ phần Cấp điện Hanaka - Korea với các bên liên quan:

Bên liên quan	Phải thu (VND)	Phải trả (VND)
- Công ty TNHH Hồng Ngọc	584.701.050	-

2. Thông tin so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính bắt đầu từ ngày 01 tháng 4 năm 2010 và kết thúc tại ngày 31 tháng 3 năm 2011 đã được kiểm toán bởi Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt.

Bắc Ninh, ngày 16 tháng 7 năm 2013

Phó Phòng Kế toán



Trần Thị Thanh Huyền

Tổng Giám đốc



Mẫn Ngọc Anh

